

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HS-PT

Ngày 17 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh và bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 435/2021/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1999 tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị L; có chồng: Nguyễn Quang Đ1 và có 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h ngày 28/07/2021, Nguyễn Thị T đi từ nhà ra cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị H - là cô ruột của chồng T thì thấy 01 (một) chiếc chìa khóa kết sắt để trên tủ kem trong cửa hàng nên T nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trong kết sắt của bà Hương. Nguyễn Thị T lấy chìa khóa kết sắt, đi vào phòng ngủ của bà Hương, bỏ chìa khóa vào kết sắt rồi mở kết sắt theo mật mã dán trên chìa khóa kết là “50 xuôi ba vòng, ngược 92 hai vòng, xuôi 24 một vòng” (tức là xoay khóa kết sắt đến số 50 theo chiều kim đồng hồ ba vòng, xoay khóa kết sắt đến số 92 ngược chiều kim đồng hồ hai vòng, xoay khóa kết sắt đến số 24 theo chiều kim đồng hồ một vòng) thì kết sắt mở ra. Nguyễn Thị T lấy trong kết sắt

số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gồm 200 (hai trăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), 04 (bốn) miếng vàng SJC 9999 loại 01 lượng/01 miếng, 02 (hai) dây chuyền vàng tổng 02 (hai) chỉ, 01 (một) nhẫn vàng 02 (hai) chỉ, 05 (năm) nhẫn vàng tổng 05 (năm) chỉ rồi đóng kết sắt lại và đưa toàn bộ số vàng và tiền lấy trộm được cất giấu trong tủ đựng đồ bằng sắt ở phòng ngủ của vợ chồng T. Sau đó, Nguyễn Thị T đưa chìa khóa kết sắt để lại vị trí cũ. Số tiền trộm được T đã rút ra tiêu xài một ít.

Đến khoảng 10h ngày 29/07/2021, bà Nguyễn Thị H phát hiện mất số tài sản nên trình báo lên Công an xã Hưng Hòa, thành phố V.

Đến tối ngày 31/07/2021, bà H họp gia đình, Nguyễn Thị T nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã bù một khoản tiền đã tiêu xài và lấy toàn bộ số tiền cùng vàng trộm của bà Nguyễn Thị H, nhờ chồng là Nguyễn Quang Đ1 (sinh năm 1989, trú tại xóm P, xã H, thành phố V, Nghệ An) trả cho bà Hg. Bà H mở số tiền và vàng Nguyễn Thị T nhờ chồng trả lại, thấy bên trong có số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gồm 200 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, là tiền đền bù đất đai của gia đình, 04 (bốn) miếng vàng SJC 9999 loại 01 lượng/01 miếng, 02 (hai) dây chuyền vàng tổng 02 (hai) chỉ, 01 (một) nhẫn vàng 02 (hai) chỉ, 05 (năm) nhẫn vàng tổng 05 (năm) chỉ. Bà Nguyễn Thị H đã chia cho ông Nguyễn Quang Đ2 (sinh năm 1960, trú tại khối V, phường H, thành phố V - là anh trai bà H) số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), chia cho bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1957, trú tại khối L, phường H, thành phố V, Nghệ An - là chị gái bà H) số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), còn 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) bà H dùng chăm sóc mẹ và mua hàng hóa hết 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đối với số vàng, bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Thg 03 (ba) miếng vàng tổng 3 lượng, loại vàng SJC 9999; 01 (một) nhẫn vàng 02 (hai) chỉ loại vàng 9999, 02 (hai) dây chuyền vàng mỗi dây 01 chỉ loại vàng 9999, 05 (năm) nhẫn vàng, mỗi nhẫn 01 chỉ loại vàng 9999. Còn 01 miếng vàng, loại SJC 9999, kích thước 3x5 cm, một mặt có hình rồng và các chữ, số “SAI GON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999.9 FINE GOLD CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ 37.5 gram (1 LƯỢNG) BF81265”, bà H giao nộp cho Công an xã Hưng Hòa, thành phố V cùng với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 07/08/2021, Nguyễn Thị T đến Công an xã H, thành phố V đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Tại kết luận giám định số 329 ngày 16/08/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) có bảng kê mệnh giá, mã số hiệu tiền kèm theo) gồm: 40 (bốn mươi) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) là tiền thật”.

Tại kết luận giám định số 7243 ngày 05/10/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “01 miếng kim loại có màu vàng, hình chữ nhật, kích thước 3x5 cm, một mặt có hình con rồng và các chữ, số “SJC 999.9”, mặt còn lại có các chữ, số “SAI GON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999.9 FINE GOLD CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ 37.5 gram (1 LƯỢNG) BF81265” gửi giám định có khối lượng 37,50 gam là vàng (AU), hàm lượng

Au: 99,89%. Ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng Ag: 0,11%”.

Tại bản kết luận định giá số 242 ngày 29/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “01 miếng kim loại có màu vàng, hình chữ nhật, kích thước 3x5 cm, một mặt có hình con rồng và các chữ, số “SJC 9999”, mặt còn lại có các chữ, số “SAI GON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 9999 FINE GOLD CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ 37.5 gram (1 LƯỢNG) BF81265 có hàm lượng vàng 99,89 %, hàm lượng bạc là 0,11%; được ép trong vĩ nhựa không màu, có giá trị vào thời điểm ngày 28 tháng 07 năm 2021 là 56.000.000 đồng” (năm mươi sáu triệu đồng)”.

Đối với số vàng không thu hồi được, tại kết luận định giá số 237 ngày 25/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “03 (ba) miếng kim loại có màu vàng, hình chữ nhật, kích thước 3x5 cm, tổng trọng lượng 03 (ba) lượng có hàm lượng vàng là 99,89% được ép trong vĩ nhựa không màu có giá trị vào thời điểm ngày 28/07/2021 là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng); 02(hai) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có tổng trọng lượng 02 (hai) chỉ có hàm lượng vàng 99,89% có giá trị vào thời điểm ngày 28/07/2021 là 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng); 01 (một) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, có trọng lượng 02 (hai) chỉ có hàm lượng vàng 99,89%, có giá trị vào thời điểm ngày 28/07/2021 là 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng); 05(năm) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, có trọng lượng 05 (năm) chỉ có hàm lượng vàng 99,89%, có giá trị vào thời điểm ngày 28/07/2021 là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng). Tổng giá trị tài sản trên là 214.800.000 đồng (hai trăm mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng)”.

Như vậy, tổng trị giá tài sản Nguyễn Thị T trộm cắp của bà Nguyễn Thị H là 370.800.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 31/07/2021, Nguyễn Thị T nhờ chồng là Nguyễn Quang Đ trả lại, bồi thường toàn bộ số tiền và vàng cho bà H. Bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 435/2021/HSST ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/12/2021 bị cáo Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm nhận xét, đánh giá. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 28/7/2021, tại phòng ngủ nhà bà Nguyễn Thị H, trụ tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, lợi dụng sơ hở của bà H, Nguyễn Thị T có hành vi lén lút lấy chìa khóa kết sắt giấu ở tủ lạnh của bà H rồi mở khóa kết sắt theo mật khẩu dán trên chìa khóa kết, chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng, gồm 200 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; bốn miếng vàng SJC 9999 loại 01 lượng/01 miếng có tổng giá trị 224.000.000 đồng; 02 dây chuyền vàng tổng 02 chỉ, có giá trị 10.400.000 đồng; 01 nhẫn vàng 02 chỉ có giá trị 10.400.000 đồng; 05 nhẫn vàng tổng 05 chỉ, có tổng giá trị 26.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Thị T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H là 370.800.000 đồng. Đến tối ngày 31/7/2021, Nguyễn Thị T nhờ chồng là Nguyễn Quang Đ trả lại, bồi thường toàn bộ tài sản trộm cắp trên cho bà Nguyễn Thị Hương.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại, được người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 36 tháng tù, dưới khung hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là ông Nguyễn Duy C và bà Phan Thị M là ông bà nội của bị cáo được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; trong thời gian dịch bệnh Covid -19, bị cáo đã tích cực hỗ trợ công sức như tiếp tế, nấu ăn cho người cách ly đối với địa phương xã H, huyện Y chống dịch, được UBND xã H xác nhận. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần được xem xét áp dụng cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo phạm tội do nhất thời, suy nghĩ nông cạn, chiếm đoạt tài sản của người thân sống cùng nhà, sau khi nhận ra sai lầm đã nhanh chóng khắc phục hậu quả, bản thân bị cáo là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương là cũng đủ nghiêm. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 36 (ba mươi sáu) tháng tù và cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Công an thành phố V;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Hải